

Số: 3169 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số /TTr-SYT ngày tháng năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân (*Chi tiết có Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; hướng dẫn, cung cấp nội dung thủ tục hành chính để các cơ quan,

đơn vị, địa phương có liên quan niêm yết, công khai; hướng dẫn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; xây dựng và ban hành quy trình nội bộ, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định;

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính và xây dựng, gỡ bỏ/thay thế quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố. Hoàn thành ngay sau khi nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu các khoản phí công bố tại Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 và Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- VPCP; Bộ TC;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, Các PCVP UBND TP;
- TT Báo chí và Truyền thông TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng KSTTHC, VX;
- Công Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện (nếu có)	Mức phí, lệ phí		Cách thức thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả			Căn cứ pháp lý/Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					Mức Phí, lệ phí Từ ngày 1/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026)	Mức Phí, lệ phí Từ ngày 1/1/2027 trở đi	Trực tiếp	Dịch vụ bưu chính công ích	Dịch vụ công trực tuyến	
I	LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH									
1	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
2	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền	(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy

					<i>cấp giấy phép hành nghề</i>	<i>cấp giấy phép hành nghề</i>				định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
		Trường hợp 1: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP			Phí 75.000 đồng	Phí 150.000 đồng				
		Trường hợp 2: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp thay đổi một trong các thông tin quy định tại điểm a khoản 3 Điều 27 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc có sai sót thông tin quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP			Phí 75.000 đồng	Phí 150.000 đồng				
		Trường hợp 3: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do hồ sơ đề			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				

		nghị cấp giấy phép hành nghề không đúng quy định (điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)								
		Trường hợp 4: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do cấp sai chức danh chuyên môn hoặc phạm vi hành nghề trong giấy phép hành nghề so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề (điểm c khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 5: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do không hành nghề trong thời gian 24 tháng liên tục (điểm d khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 6: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do thuộc một trong các trường			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				

		hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 hoặc 6 Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):								
		Trường hợp 7: Hồ sơ đề nghị cấp lại phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại khoản 9 Điều 34 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP theo đề nghị của người hành nghề			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 8: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
3	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám chữa bệnh	Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố			x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

			10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị							
		Bệnh viện			Phí 5.250.000 đồng	Phí 10.500.000 đồng				
		Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình:			Phí 2.850.000 đồng	Phí 5.700.000 đồng				
		Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế			Phí 1.550.000 đồng	Phí 3.100.000đ				
		Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng			Phí 2.150.000 đồng	Phí 4.300.000 đồng				
		Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác			Phí 2.150.000 đồng	Phí 4.300.000 đồng				

4	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám chữa bệnh	20 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 750.000 đồng <i>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp)</i>	Phí 1.500.000 đồng <i>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp)</i>	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
---	----------	--	---------	---	---	---	---	---	----------	--

5	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám chữa bệnh	-20 ngày đối với rường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở - 70 ngày đối với Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	<i>(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)</i>	<i>không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)</i>	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
		Trường hợp 1: Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm (Điều 65 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP).			Phí 750.000 đồng	Phí 1.500.000 đồng				
		Trường hợp 2: Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở								

		khám bệnh, chữa bệnh (Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP).								
		Thay đổi quy mô hoạt động:								
		Bệnh viện			Phí 5.250.000 đồng	Phí 10.500.000 đồng				
		Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình			Phí 2.850.000 đồng	Phí 5.700.000 đồng				
		Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế			Phí 1.550.000 đồng	Phí 3.100.000 đồng				
		Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác			Phí 2.150.000 đồng	Phí 4.300.000 đồng				
		Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật								
		Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng			Phí 2.150.000 đồng	Phí 4.300.000 đồng				
		Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế			Phí 1.550.000 đồng	Phí 3.100.000 đồng				

		Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác			Phí 2.150.000 đồng	Phí 4.300.000 đồng				
6	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
7	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	<i>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)</i>	<i>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)</i>	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
		Trường hợp 1: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a			Phí 75.000 đồng	Phí 150.000 đồng				

		khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP								
		Trường hợp 2: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP			Phí 75.000 đồng	Phí 150.000 đồng				
		Trường hợp 3: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề không đúng quy định (điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 4: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do hồ sơ			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				

		đề nghị cấp giấy phép hành nghề không đúng quy định (điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):								
		Trường hợp 5: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do cấp sai chức danh chuyên môn hoặc phạm vi hành nghề trong giấy phép hành nghề so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề (điểm c khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 6: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do cấp sai chức danh chuyên môn hoặc phạm vi hành nghề trong giấy phép hành nghề so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề (điểm c khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				

		Trường hợp 7: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do không hành nghề trong thời gian 24 tháng liên tục (điểm d khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 8: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do thuộc trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 hoặc 6 Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 9: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do thuộc trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định tại			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				

		các khoản 1, 2, 3, 4 hoặc 6 Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (điểm d khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):								
		Trường hợp 10: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do người hành nghề tự đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề (điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh):			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 11: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do người hành nghề tự đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề (điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 12: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều			Phí 75.000 đồng	Phí 150.000 đồng				

		31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh								
		Trường hợp 13: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP:			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 14: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP:			Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng				
		Trường hợp 15: Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng			Phí 75.000 đồng	Phí 150.000 đồng				
		Trường hợp 16: Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài			Phí 75.000 đồng	Phí 150.000 đồng				

		Trường hợp 17: Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề bị thu hồi chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 29 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12. Thời gian từ ngày thu hồi chứng chỉ hành nghề đến ngày đề nghị được cấp giấy phép hành nghề không quá 24 tháng:			Phí 75.000 đồng	Phí 150.000 đồng				
8	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 215.000 đồng	Phí 430.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
II	LĨNH VỰC Y HỌC CỔ TRUYỀN									
1	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1.250.000 đồng	Phí 2.500.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy
2	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành	Phí	Phí	x	x	Một phần	

		tại khoản 4 , 5, 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT		chính công thành phố	1.250.000 đồng	2.500.000 đồng				định mức thu, miễn một số
3	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1.250.000 đồng	Phí 2.500.000 đồng	x	x	Toàn trình	khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
III	LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ									
1	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	0 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1.500.000 đồng	Phí 3.000.000 đồng			Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT- BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
2	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	0 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố					Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT- BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

		Phí thẩm định công bố trang thiết bị y tế loại A			Phí 500.000 đồng	Phí 1.000.000 đồng				
		Phí thẩm định công bố trang thiết bị y tế loại B:			Phí 1.500.000 đồng	Phí 3.000.000 đồng				
3	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	0 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1.500.000 đồng	Phí 3.000.000 đồng			Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT- BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
4	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 500.000 đồng	Phí 1.000.000 đồng			Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT- BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
IV	LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH									

1	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	3 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 150.000 đồng	Phí 150.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
2	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	3 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 150.000 đồng	Phí 150.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
3	1.002564	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 300.000 đồng	Phí 600.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số

										khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
4	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 150.000 đồng	Phí 300.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
5	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 150.000 đồng	Phí 300.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
6	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	27 ngày	Trung tâm Phục vụ hành	Phí 4,500.000 đồng	Phí 9.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày

				chính công thành phố						30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
7	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	- 27 ngày làm việc đối với Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm - 17 ngày làm việc đối với Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 4,500.000 đồng	Phí 9.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT- BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
8	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất	- 27 ngày làm việc đối với Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm - 17 ngày làm việc đối với Trường hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 4,500.000 đồng	Phí 9.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT- BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ

			2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm							trợ cho doanh nghiệp, người dân
9	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm	- 27 ngày làm việc đối với Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm - 17 ngày làm việc đối với Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 4,500.000 đồng	Phí 9.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT- BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
10	1.013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- 30 ngày Đối với hồ sơ chế phẩm đăng ký lưu hành mới của chế phẩm diệt côn trùng dùng trong gia dụng có hoạt chất, hàm lượng hoạt chất, dạng chế phẩm theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố			x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT- BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

			và phù hợp với quy định của Bộ Y tế về danh mục hoạt chất cấm sử dụng, hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; hồ sơ đăng ký mới đối với chế phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng có chứa hoạt chất Ethanol hoặc Isopropanol hoặc hỗn hợp Ethanol và Isopropanol với tổng hàm lượng từ 60% đến 90% và có thể chứa không quá 0,5% Chlorhexidin							
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

			- 60 ngày Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế không thuộc trường hợp 1 nêu trên							
		Trường hợp 1: Trình tự thực hiện đối với hồ sơ chế phẩm đăng ký lưu hành mới của chế phẩm diệt côn trùng dùng trong gia dụng có hoạt chất, hàm lượng hoạt chất, dạng chế phẩm theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới và phù hợp với quy định của Bộ Y tế về danh mục hoạt chất cấm sử dụng, hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; hồ sơ đăng ký mới đối với chế phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng có chứa hoạt chất Ethanol hoặc Isopropanol hoặc hỗn hợp Ethanol và Isopropanol với tổng hàm lượng từ 60% đến 90% và có			Phí 5,500.000 đồng	Phí 11.000.000 đồng				

		thể chứa không quá 0,5% Chlorhexidine								
		Trường hợp 2. Trình tự thực hiện đối với hồ sơ đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế không thuộc trường hợp 1 nêu trên								
		Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm (nộp lần đầu cùng với hồ sơ đăng ký lưu hành mới)			Phí 1,750.000 đồng	Phí 3.500.000 đồng				
		Phí thẩm định đăng ký lưu hành mới (nộp khi bổ sung Phiếu trả lời kết quả khảo nghiệm và kết quả kiểm nghiệm thành phần hoạt chất):			Phí 5,500.000 đồng	Phí 11.000.000 đồng				
11	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 2,000.000 đồng	Phí 4.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
12	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành	Phí	Phí	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-

		ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		chính công thành phố	1,250.000 đồng	2.500.000 đồng				BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
13	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 2,500.000 đồng	Phí 5.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
14	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	60 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố			x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

										trợ cho doanh nghiệp, người dân
		Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm			Phí 1,750.000 đồng	Phí 3.000.000 đồng				
		Phí thẩm định đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung			Phí 1,250.000 đồng	Phí 2.500.000 đồng				
15	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1,250.000 đồng	Phí 2.500.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
16	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	- 30 ngày Đối với đăng ký lưu hành bổ sung thay đổi hạn sử dụng - 60 ngày Các trường hợp còn lại	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố			x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

										ng nghiệp, người dân
		Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm			Phí 1,750.000 đồng	Phí 3.500.000 đồng				
		Phí thẩm định đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung			Phí 1,250.000 đồng	Phí 2.500.000 đồng				
17	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1,250.000 đồng	Phí 2.500.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
18	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1,000.000 đồng	Phí 2.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

19	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1,000.000 đồng	Phí 2.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
20	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1,000.000 đồng	Phí 2.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
21	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 1,000.000 đồng	Phí 2.000.000 đồng	x	x	Một phần	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số

[illegible]

1	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	3 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 500.000 đồng	Phí 1.000.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
2	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 550.000 đồng	Phí 1.100.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
3	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố			x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số

										khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
		Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm			Phí 250.000 đồng	Phí 500.000 đồng				
		Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm			Phí 1.250.000 đồng	Phí 2.500.000 đồng				
		Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn			Phí 350.000 đồng	Phí 700.000 đồng				
		Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên			Phí 500.000 đồng	Phí 1.000.000 đồng				
4	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 750.000 đồng	Phí 1.500.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh

										ng nghiệp, người dân
5	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 750.000 đồng	Phí 1.500.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
6	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	45 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 14.250.000 đồng	Phí 28.500.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
7	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 14.250.000 đồng	Phí 28.500.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy

			quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP. - 30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP							định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
8	1.013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm trong trường hợp cần thiết)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 14.250.000 đồng	Phí 28.500.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

9	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí: 500.000đ	Phí: 1.000.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
10	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP. - 30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí 10.250.000 đồng	Phí 20.500.000 đồng	x	x	Toàn trình	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

			định 148/2025/NĐ -CP							
--	--	--	----------------------------	--	--	--	--	--	--	--